

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp mai táng phí cho các đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 5/01/2012 của Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 9/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 115/TTr-SLĐTBXH ngày 10/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp mai táng phí cho 11 đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng số tiền **163.900.000 đồng** (Một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng) từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội năm 2023 đã cân đối cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

(Có danh sách các đối tượng và mức trợ cấp cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Phù Mỹ, huyện Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn và các cơ quan liên quan chi trả chế độ trợ cấp cho các đối tượng nêu tại Điều 1 và thực hiện thanh quyết toán kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ, huyện Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ

Theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký thường trú	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Quan hệ	Chỗ ở hiện nay	Mức hưởng trợ cấp (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Huỳnh Kim Trọng	1950	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14/05/2023	Đặng Thị Thiêm	1954	Vợ	xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14.900.000
2	Hà Văn Qua	1963	xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14/04/2023	Hà Văn Quyên	1989	Con	xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14.900.000
3	Nguyễn Văn Dũng	1963	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	13/03/2023	Đinh Thị Huệ	1963	Vợ	phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	14.900.000
4	Hồ Văn Định	1955	xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	09/03/2023	Đặng Thị Thanh Vân	1957	Vợ	xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14.900.000
5	Nguyễn Kim Ninh	1961	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14/05/2023	Nguyễn Thị Nhã Phương	1992	Con	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	14.900.000
6	Phùng Văn Hùng	1955	xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	14/05/2023	Huỳnh Thị Oanh	1961	Vợ	thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	14.900.000
7	Nguyễn Minh Thân	1960	xã An Hoà, huyện An Lão, tỉnh Bình Định	phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	19/04/2023	Nguyễn Minh Tin	1988	Con	phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	14.900.000
8	Huỳnh Văn Lĩnh	1965	phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	14/10/2022	Huỳnh Trần Tuyên	1993	Con	phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	14.900.000

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Nguyễn Đức Hùng	1962	Xuân Châu, Xuân Thủy, Nam Định	phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	08/05/2023	Lê Thị Bích	1967	Vợ	phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	14.900.000
10	Lê Văn Quyên	1962	phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	11/06/2023	Phan Thị Nghĩa	1962	Vợ	phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	14.900.000
11	Nguyễn Đình Luận	1959	xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	21/05/2023	Nguyễn Thị Kim Cúc	1962	Vợ	phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	14.900.000
	Tổng Cộng									163.900.000

